

Số: 673/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Chương trình khuyến nông
tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về
khuyến nông;*

*Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính về
Quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước
thực hiện hoạt động khuyến nông;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ
trình số 476/TTr-SNNPTNT ngày 16 tháng 3 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình khuyến nông tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi là Chương trình) kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

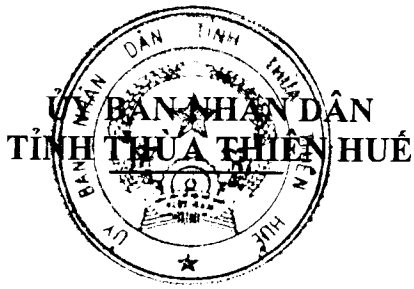
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP: LĐ và các CV: KH, TC;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phương



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH
KHUYẾN NÔNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025
*(Kèm theo Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Thúc đẩy ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, các mô hình sản xuất có hiệu quả vào sản xuất nông nghiệp, thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của nông sản; cải thiện và nâng cao đời sống của nông dân, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, sản xuất gắn với thị trường thông qua các hoạt động khuyến nông.

- Góp phần thực hiện Chương trình hành động số 69-CTr/TU ngày 03/02/2020 của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế về thực hiện Nghị quyết 54-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Mục tiêu cụ thể

- Góp phần đạt mục tiêu tăng trưởng ngành nông nghiệp bình quân năm giai đoạn 2021-2025 từ 2,5-3%.

- Đến năm 2025 có trên 90% cán bộ làm công tác khuyến nông cấp huyện, xã; 100% khuyến ngư viên cơ sở và hộ tham gia thực hiện mô hình được tham gia các lớp đào tạo, tập huấn.

- Các mô hình khuyến nông đạt năng suất, chất lượng và giá trị tăng thêm tối thiểu từ 10-25% so với sản xuất truyền thống và đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Đến năm 2025, diện tích lúa chất lượng cao đạt tối thiểu 50% diện tích gieo cấy lúa toàn tỉnh; tỷ lệ đàn bò lai đạt trên 85%, đàn lợn nạc đạt hơn 95% tổng đàn; diện tích nuôi tôm trên cát ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 200ha.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Phạm vi: Thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Đối tượng

Đối tượng nhận chuyển giao ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, mô hình sản xuất có hiệu quả, công nghệ trong nông nghiệp bao gồm:

- Nông dân, chủ trang trại sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

III. CÁC NHIỆM VỤ, NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ

1. Công tác thông tin tuyên truyền, tham quan, học tập

- Hằng năm xây dựng từ 2-3 chuyên mục, 10-15 bản tin phát trên sóng truyền hình; xây dựng 3-4 đĩa hình hướng dẫn kỹ thuật, đưa 1-2 tin/tháng trên Website của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Khuyến nông.

- Tổ chức Hội nghị giới thiệu các mô hình Khuyến nông có hiệu quả hằng năm, tham dự các Hội thảo Khuyến nông đô thị do Câu lạc bộ khuyến nông đô thị toàn quốc tổ chức.

- Tổ chức các Hội thi Trái ngon Thanh Trà Huế toàn tỉnh theo quy chế đã được phê duyệt.

- Tổ chức các Diễn đàn khuyến nông @ nông nghiệp, các Hội thảo chuyên đề, các cuộc Tọa đàm khuyến nông; tạo cơ hội liên kết một cách hiệu quả giữa bà con nông dân với các nhà khoa học, nhà quản lý, các chuyên gia; giải đáp cho người nông dân, chủ trang trại về các vấn đề kỹ thuật, về những chính sách phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới...

2. Công tác tập huấn, đào tạo

- Hằng năm tổ chức 7-8 lớp tập huấn cho cán bộ khuyến nông tỉnh, huyện, cán bộ Hợp tác xã, tổ hợp tác và các chủ trang trại. Tập trung vào các nội dung chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới; về tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi; về tiêu thụ sản phẩm; về phương pháp khuyến nông...

- Lồng ghép với hoạt động xây dựng mô hình trình diễn để mở các lớp tập huấn cho cán bộ cơ sở, nông dân tham gia mô hình, các hội viên... theo các giai đoạn phát triển cây trồng vật nuôi. Nội dung chủ yếu là hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

- Hằng năm tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm các mô hình khuyến nông có hiệu quả ở trong và ngoài tỉnh.

3. Xây dựng mô hình trình diễn; hỗ trợ ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, giống cây trồng vật nuôi mới

Tập trung vào các chương trình nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi chủ lực có thế mạnh của tỉnh, các tiến bộ kỹ thuật mới đặc biệt là các tiến bộ kỹ thuật về công nghệ sinh học, phương pháp canh tác mới, cơ giới hóa; liên kết sản xuất, tiêu thụ theo chuỗi nhằm nâng cao giá trị sản phẩm; sản xuất theo hướng an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

a) Lĩnh vực trồng trọt

+ Cây lúa:

- Mô hình áp dụng các giống lúa mới có triển vọng. Với mục tiêu đánh giá được tiềm năng về năng suất, triển vọng về chất lượng, khả năng thích ứng với ngoại cảnh, sâu bệnh hại... của các giống lúa mới; xác định mức độ phù hợp của các giống lúa mới với điều kiện đất đai, thời tiết khí hậu, trình độ canh tác của từng vùng, từng địa phương. Hằng năm bố trí với quy mô khoảng 100ha.

- Mô hình ứng dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp xử lý rơm rạ sau thu hoạch: Mô hình được thực hiện trong vụ Hè Thu sau khi thu hoạch lúa Đông Xuân. Thực hiện mô hình này, cùng với việc nâng cao hiệu quả sản xuất lúa, sẽ góp phần hạn chế tình trạng đốt rơm rạ khi thu hoạch vụ Đông Xuân đang xảy ra khá phổ biến như hiện nay. Hằng năm triển khai khoảng 100 ha.

- Mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật thâm canh sản xuất lúa chất lượng: Với mục tiêu ứng dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật thâm canh cây lúa, thay đổi nhận thức và kỹ thuật sản xuất cho người nông dân, tạo sự dịch chuyển từ phương thức sản xuất cũ sang phương thức sản xuất mới có áp dụng khoa học công nghệ thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần xây dựng vùng sản xuất lúa chất lượng cao để nâng cao hiệu quả kinh tế cho người nông dân và đảm bảo an ninh lương thực. Hằng năm thực hiện với quy mô khoảng 200ha.

- Mô hình Xây dựng chuỗi liên kết trong sản xuất và tiêu thụ lúa: Áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật về giống, phân bón, tưới nước tiết kiệm, liên kết sản xuất nhóm hộ và ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm... Mô hình dự kiến sẽ thực hiện tại các địa phương đang có sản phẩm lúa gạo mang tính hàng hóa cao với quy mô 50-60ha/năm.

- Mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, tăng năng suất, hiệu quả sản xuất lúa tại các xã khó khăn: Nhằm thúc đẩy sản xuất lúa tại các xã khó khăn bằng việc chuyển giao và áp dụng đồng bộ quy trình kỹ thuật, góp nâng cao trình độ canh tác; bổ sung, hoàn chỉnh quy trình kỹ thuật sản xuất lúa tại địa phương... Mô hình dự kiến sẽ thực hiện với quy mô khoảng 100ha/năm.

- Mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trồng lúa an toàn, lúa hữu cơ: Áp dụng quy trình sản xuất thân thiện với môi trường và phát triển bền vững; tạo ra sản phẩm an toàn, góp phần đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng về an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe và bảo vệ môi trường. Quy mô thực hiện khoảng 20ha/năm.

+ Cây lạc: Xây dựng các mô hình ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất và chế biến lạc, thúc đẩy phát triển sản xuất lạc theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Quy mô thực hiện 10ha/năm.

+ Cây sen: Tiếp nhận và trồng thử nghiệm các giống sen mới có triển vọng, đánh giá kết quả để ứng dụng vào sản xuất đại trà.

+ Cây ăn quả:

- Mô hình trồng thử nghiệm một số loại cây ăn quả mới : Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để xây dựng các mô hình trồng cây ăn quả giống mới có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng địa phương. Kết quả mô hình là cơ sở thực tiễn để lựa chọn và hoàn thiện quy trình sản xuất một số giống cây ăn quả mới; góp phần hình thành và phát triển các vùng sản xuất cây ăn quả tập trung, tăng hiệu quả của sản xuất nông nghiệp, cải thiện đời sống cho người dân. Quy mô thực hiện mô hình khoảng 4-5ha/năm.

- Mô hình thâm canh cây Thanh Trà theo hướng bền vững và an toàn dịch bệnh: Ứng dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật và áp dụng công nghệ mới để xây dựng các mô hình sản xuất Thanh Trà an toàn, chất lượng nhằm thay đổi nhận thức về sản xuất cho người nông dân, hướng đến nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn sản phẩm, hiệu quả và phát triển bền vững. Quy mô thực hiện khoảng 4-5ha/năm.

+ Mô hình Nhà lưới thông minh, ứng dụng công nghệ IoT và trí tuệ nhân tạo trong giám sát và tương tác tự động. Nội dung chủ yếu là xây dựng giải pháp giám sát và điều khiển hoạt động về môi trường trồng cây dưa lưới trong nhà kính với hệ thống IoT có tích hợp dữ liệu chuyên gia theo phương pháp trí tuệ nhân tạo. Mô hình thử nghiệm sẽ triển khai trong năm 2022; sau đó áp dụng kết quả vào những năm tiếp theo.

b) Lĩnh vực chăn nuôi

+ Phát triển và nâng cao chất lượng đàn bò, trâu.

- Mô hình nâng cao chất lượng bò lai bằng các giống bò cao sản: Mô hình được bố trí theo chu kỳ 2 năm, trong đó năm thứ nhất hỗ trợ thụ tinh nhân tạo cho bò cái lai bằng tinh bò cao sản, năm thứ hai hỗ trợ chăm sóc bò mẹ sau sinh và nuôi bê lai cao sản. Thời gian thực hiện từ năm 2022 với quy mô 50 bê lai sinh ra. Bố trí tại các vùng nuôi bò thâm canh của các huyện, thị xã.

- Chương trình Thụ tinh nhân tạo trâu, bò. Quy mô hỗ trợ phối giống cho 3.200 bò cái mang thai/năm bằng tinh các giống trâu bò năng suất chất lượng cao, thích ứng biến đổi khí hậu như trâu Murah, bò Brahman, BBB và một số giống bò mới để thụ tinh nhân tạo cho đàn trâu, bò cái trên địa bàn tỉnh.

- Mô hình chế biến rơm cuộn làm thức ăn nuôi trâu bò: Phối hợp rơm với thức ăn tinh và phụ phẩm khác thành thức ăn đảm bảo dinh dưỡng để phát triển chăn nuôi trâu bò, góp phần thúc đẩy hoạt động thu gom rơm bằng máy cuộn rơm. Bố trí cho các trại chăn nuôi trâu bò ở Phú Vang, Phong Điền, Phú Lộc. Quy mô thực hiện khoảng 30 con/năm.

+ Mô hình nuôi lợn nái an toàn sinh học: Góp phần phục hồi và phát triển đàn lợn sau dịch tả lợn Châu Phi, chủ động cung ứng giống tốt, an toàn dịch

bệnh để phát triển chăn nuôi lợn thịt thương phẩm trên địa bàn. Thời gian thực hiện trong 2 năm (2021-2022), quy mô khoảng 25 con lợn nái/năm; bố trí ở các huyện có tiềm năng phát triển chăn nuôi lợn, có vùng chăn nuôi an toàn như Phong Điền, Quảng Điền, Hương Thủy.

+ Mô hình nuôi gà an toàn sinh học gắn với xây dựng thương hiệu: Tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao, đầu ra ổn định và đáp ứng nhu cầu thực phẩm sạch cho người tiêu dùng. Từng bước hình thành và xây dựng thương hiệu sản phẩm đặc trưng cho vùng. Quy mô dự kiến khoảng 4.000 con/năm.

c) Lĩnh vực thủy sản

+ Các mô hình nâng cao chất lượng sản phẩm và giá trị kinh tế trong nuôi trồng thủy sản nước lợ mặn theo hướng an toàn và phát triển bền vững: Góp phần cơ cấu đối tượng nuôi có giá trị kinh tế; tạo nguồn cung thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao, tạo thêm nghề mới có thu nhập cao, ổn định cho bà con ở các địa phương ven biển và đầm phá.

- Mô hình nuôi ốc Hương theo hướng an toàn sinh học, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. Bố trí trong các năm 2021-2022 với quy mô 0,3ha/năm.

- Thử nghiệm mô hình nuôi cá Nâu thương phẩm theo hướng an toàn từ nguồn giống sinh sản nhân tạo. Nuôi thử nghiệm với quy mô 1ha/năm trong giai đoạn 2021-2022, mở rộng quy mô lên 3-4ha/năm vào giai đoạn 2023-2025.

- Mô hình nuôi cá Diên bán thâm canh theo hướng an toàn và gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm ở vùng trung và cao triều. Thực hiện trong giai đoạn từ 2023-2025 với quy mô dự kiến 0,7ha/năm.

- Mô hình nuôi thủy sản sinh thái trong rừng ngập mặn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng trên cát đảm bảo an toàn thực phẩm tại một số tỉnh ven biển miền Trung. Thực hiện trong 2021 với quy mô tại Thừa Thiên Huế 02ha (dự án khuyến nông Trung ương).

- Mô hình nuôi Cua gạch trong ao đầm gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện trong 3 năm 2021-2023 với tổng diện tích 10ha (dự án khuyến nông Trung ương).

+ Các mô hình phát triển nuôi thủy đặc sản nước ngọt có giá trị kinh tế theo hướng an toàn và gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm

- Mô hình thử nghiệm ương giống cá Chình bằng nguồn nước tự chảy ở các huyện miền núi. Quy mô 100m²/năm, bố trí vào các năm 2021-2022 tại các huyện Nam Đông, A Lưới.

- Mô hình nuôi cá Chình thương phẩm tại các huyện miền núi: Quy mô 70m²/năm, bố trí vào các năm 2023-2024 tại các huyện Nam Đông, A Lưới.

- Mô hình nuôi cá Leo bằng lồng trên hệ thống hồ chứa và sông ngòi theo hướng an toàn ở các huyện A Lưới, Phú Lộc; các thị xã Hương Trà, Hương Thủy; quy mô 160m³/năm, bố trí vào các năm 2021-2023.

- Mô hình nuôi thủy đặc sản nước ngọt ở miền núi gắn với phát triển du lịch sinh thái. Quy mô 0,2 ha/năm, bố trí vào các năm 2022-2025.

- Mô hình ao nuôi tôm thẻ thông minh, ứng dụng công nghệ IoT và trí tuệ nhân tạo trong giám sát và tương tác tự động. Nội dung chủ yếu là xây dựng giải pháp giám sát và điều khiển hoạt động về môi trường trong ao nuôi tôm thẻ với hệ thống IoT có tích hợp dữ liệu chuyên gia theo phương pháp trí tuệ nhân tạo. Mô hình thử nghiệm sẽ triển khai trong năm 2023; sau đó áp dụng kết quả vào những năm tiếp theo.

d) Về áp dụng cơ giới hóa

- Mô hình thu gom rơm bằng máy cuốn rơm: Ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, tiết kiệm chi phí nhân công và thu gom rơm kịp thời vụ; nâng cao giá trị gia tăng của sản xuất lúa; góp phần phát triển chăn nuôi; hạn chế việc đốt đồng gây ảnh hưởng xấu đến môi trường. Hỗ trợ 03 mô hình/năm trong 02 năm 2021-2022.

- Mô hình ứng dụng mạ khay máy cấy:

Gieo mạ và cấy lúa là một khâu trong quá trình sản xuất lúa, nhất là sản xuất lúa theo hướng hữu cơ. Đây là công đoạn hết sức vất vả, nặng nhọc, chiếm tỷ lệ khá lớn trong tổng số công lao động. Đưa cơ giới hóa vào khâu làm mạ và cấy lúa, góp phần tăng năng suất lao động, giảm bớt sự căng thẳng về thiếu nhân công thời vụ, giải phóng sức lao động nặng nhọc vất vả của người nông dân. Mô hình dự kiến sẽ triển khai trong 2 năm, từ 2021-2022.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Củng cố tổ chức, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống khuyến nông

- Thường xuyên đào tạo, đào tạo lại để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ khuyến nông, bổ sung kiến thức về tổ chức sản xuất, thị trường,... hỗ trợ kịp thời cho nhu cầu sản xuất.

- Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động theo hai hướng: Khuyến nông hàng hóa cho chủ trang trại, Hợp tác xã, tổ hợp tác và khuyến nông sinh kế cho người nghèo, các xã vùng sâu.

- Đổi mới phương pháp hoạt động nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông, chú trọng vào chất lượng, hiệu quả và khả năng nhân rộng mô hình, đổi mới phương thức đào tạo, tập huấn khuyến nông theo hướng gắn với các mô hình sản xuất hiệu quả.

- Liên kết với các Viện, Trường và các Trung tâm nghiên cứu, các doanh nghiệp trong ngoài ngành để tranh thủ huy động nguồn lực, tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa công tác khuyến nông nhằm tiếp nhận, chuyển giao nhanh các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới phục vụ sản xuất.

2. Tiếp cận, lựa chọn, chuyển giao nhanh các tiến bộ kỹ thuật hiệu quả

- Tiếp cận, lựa chọn và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật phù hợp, đẩy mạnh việc kết nối, liên kết thị trường đầu ra thông qua các hợp đồng đầu tư, tiêu thụ sản phẩm với các doanh nghiệp, công ty tạo ra các kênh liên kết phân phối bền vững.

- Tiếp cận các tiến bộ kỹ thuật mới tiên tiến, có tính tương đồng cao với điều kiện của các địa phương, thử nghiệm, đánh giá tổng kết để nhân rộng; ưu tiên các lĩnh vực công nghệ sinh học, tổ chức sản xuất, công nghệ sau thu hoạch và cơ giới hóa.

3. Tích cực đổi mới và tăng cường công tác thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin để hiện đại hóa công tác khuyến nông

4. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong hoạt động khuyến nông

Căn cứ vào thực tế sản xuất từng vùng, chủ động liên kết với các Viện, Trường, các Trung tâm nghiên cứu và doanh nghiệp để thu hút các nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ xây dựng các chương trình, mô hình ứng dụng, chuyển giao các sáng kiến, kinh nghiệm, các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất nhằm huy động nguồn lực xã hội cho hoạt động khuyến nông.

5. Về huy động nguồn lực

Ngoài nguồn kinh phí ngân sách hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông, lồng ghép với các dự án, chương trình mục tiêu khác để khuyến khích, thu hút nguồn vốn của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước đầu tư phát triển nông nghiệp nông thôn.

6. Nhu cầu dự kiến nguồn kinh phí

Tổng nhu cầu kinh phí giai đoạn 2021-2025 khoảng 123,825 triệu đồng, bao gồm:

a) Kinh phí hỗ trợ từ các nguồn khoảng 57.254,0 triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí khuyến nông Trung ương (kinh phí từ các dự án khuyến nông Trung ương triển khai trên địa bàn tỉnh): 11.004 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 11.750 triệu đồng.

- Nguồn kinh phí thực hiện chính sách quản lý và sử dụng đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP và Nghị định 62/2018/NĐ-CP của Chính phủ: 30.500 triệu đồng.

- Lồng ghép từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án khác: 4.000 triệu đồng.

b. Kinh phí đóng góp của các doanh nghiệp, Hợp tác xã, các tổ chức và người dân khoảng 66,571 triệu đồng.

(chi tiết tại các phụ lục I, II, III kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Trên cơ sở nguồn kinh phí được bố trí hằng năm, chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính phê duyệt kế hoạch khuyến nông thực hiện hằng năm theo chương trình này.

- Chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị trực thuộc Sở tổ chức triển khai thực hiện tốt kế hoạch hằng năm và cả giai đoạn.

- Hằng năm, tiến hành rà soát để đề xuất điều chỉnh, bổ sung các nội dung, nhiệm vụ khuyến nông phù hợp với tình hình thực tế.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí ngân sách hằng năm để thực hiện chương trình.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngành liên quan tham mưu lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, dự án để thực hiện chương trình.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để triển khai thực hiện chương trình. Xây dựng kế hoạch khuyến nông địa phương và chủ động bố trí ngân sách để thực hiện.

5. Đề nghị các tổ chức đoàn thể phối hợp tăng cường tuyên truyền đoàn viên, hội viên tiếp thu, nhân rộng các mô hình khuyến nông có hiệu quả.

Trên đây là Chương trình khuyến nông tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các đơn vị, địa phương liên quan nghiên cứu triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc; các Sở, ngành, địa phương phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.



Phụ lục I
CHI TIẾT NỘI DUNG NHIỆM VỤ MÔ HÌNH VÀ NHU CẦU KINH PHÍ
CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy mô					Kinh phí (Triệu đồng)					Tổng cộng
			2021	2022	2023	2024	2025	2021	2022	2023	2024	2025	
1	Thông tin, tuyên truyền							460	445	460	445	470	2.280
1.1	Hội nghị quảng bá các mô hình khuyến nông có hiệu quả	Hội nghị	1	1	1	1	1	30	30	30	30	30	150
1.2	Xây dựng Video clip hướng dẫn kỹ thuật	đĩa	4	4	4	4	4	40	40	40	40	40	200
1.3	Xây dựng chuyên mục truyền hình	CM	2	2	2	2	2	20	20	20	20	20	100
1.4	Hội thảo Khuyến nông đô thị	Đợt	2	2	2	2	2	70	70	70	70	70	350
1.5	Hội thảo đánh giá công tác khuyến nông cơ sở	Đợt	1	1	1	1	1	30	30	30	30	30	150
1.6	Hội thi trái ngon Thanh Trà Huế	Hội thi		1		1			135		135		270
1.7	Diễn đàn Khuyến nông @ nông nghiệp	Diễn đàn	1		1		1	150		150		150	450
1.8	Hội thảo chuyên đề khuyến nông	Hội thảo	1	1	1	1	1	70	70	70	70	80	360
1.9	Tọa đàm khuyến nông	Cuộc	1	1	1	1	1	50	50	50	50	50	250
2	Tập huấn đào tạo							300	300	300	300	300	1.500

2.1	Tiếp nhận và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật	Lớp	7	7	7	7	7	260	260	260	260	260	1.300
2.2	Học tập kinh nghiệm các mô hình Khuyến nông có hiệu quả ở ngoại tỉnh	Đợt	1	1	1	1	1	40	40	40	40	40	2000
3	Xây dựng mô hình trình diễn							23.630,5	22.843	22.417,5	21.607	21.222	119.795
3.1	Lĩnh vực trồng trọt							17.141	16.484	16.284	16.574	16.174	82.657
3.1.1	Mô hình áp dụng các giống lúa mới có triển vọng	Ha	100	100	100	100	100	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	12.500
3.1.2	Mô hình ứng dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp xử lý rơm rạ sau thu hoạch để cải tạo đất và bảo vệ môi trường	Ha	100	100	100	100	100	2.400	2.400	2.400	2.400	2.400	12.000
3.1.3	Mô hình áp dụng 3 giảm 3 tăng (trong đó có IPM) trên cây lúa	Ha	100					2.400	-	-	-	-	2.400
3.1.4	Mô hình áp dụng tiên bộ kỹ thuật thâm canh sản xuất lúa chất lượng	Ha	200	200	200	200	200	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	25.000
3.1.5	Mô hình Xây dựng chuỗi liên kết trong sản xuất và tiêu thụ lúa	Ha	60	60	60	60	60	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	7.500
3.1.6	Mô hình ứng dụng tiên bộ kỹ thuật, tăng năng suất, hiệu quả sản xuất lúa tại các xã khó khăn	Ha	100	100	100	100	100	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	12.500
3.1.7	Mô hình sản xuất phân hữu cơ từ phế phẩm nông nghiệp	Hộ	20	20	20	20	20	64	64	64	64	64	320
3.1.8	Mô hình ứng dụng tiên bộ kỹ thuật vào trồng lúa an toàn, lúa hữu cơ	Ha	5	10	10	20	20	145	290	290	580	580	1.885

3.1.9	Mô hình áp dụng tiên bộ kỹ thuật trong sản xuất, chế biến lạc	Ha	10	10	10	10	10	300	300	300	300	300	1.500
3.1.10	Khảo nghiệm các giống sen	Ha	0,8					92	-	-	-	-	92
3.1.11	Mô hình trồng các giống sen có triển vọng	Ha		5	5	5	5	-	350	350	350	350	1.400
3.1.12	Mô hình trồng thử nghiệm một số loại cây ăn quả mới	Ha	2	4	4	4	4	240	480	480	480	480	2.160
3.1.13	Mô hình thâm canh cây Thanh Trà theo hướng bền vững và an toàn dịch bệnh	Ha		5	5	5	5	-	500	500	500	500	2.000
3.1.14	Xây dựng mô hình thử nghiệm Nhà lưới thông minh, ứng dụng công nghệ IoT và trí tuệ nhân tạo trong giám sát và tương tác tự động	Mô hình		1					-	600	-	-	600
3.1.15	Xây dựng mô hình áp dụng Nhà lưới thông minh, ứng dụng công nghệ IoT và trí tuệ nhân tạo trong giám sát và tương tác tự động	Mô hình			1	1			-	-	400	400	800
3.2	Lĩnh vực chăn nuôi							1.200	1.500	1.650	1.600	1.650	15.675
3.2.1	Hỗ trợ thụ tinh nhân tạo trâu bò	con	3.200	3.200	3.200	3.200	3.200	1.710	1.710	1.710	1.710	1.710	8.550
3.2.2	Mô hình thụ tinh nhân tạo cho bò cái lai bằng tinh bò cao sản	con		50		50		-	380	-	380	-	760
3.2.3	Mô hình chăm sóc bò mẹ sau sinh và nuôi bê lai cao sản	con	50		50		50	535	-	535	-	535	1.605

3.2.4	Mô hình nuôi lợn nái an toàn sinh học	con	25	25				390	390	-	-	-	780
3.2.5	Mô hình chế biến rom cuộn làm thức ăn nuôi trâu bò	con		30	30	30	30	-	280	280	280	280	1.120
3.2.6	Mô hình nuôi gà an toàn sinh học gắn với xây dựng thương hiệu	con		2.000	4.000	4.000	4.000	-	340	840	840	840	2.860
3.3	Lĩnh vực thủy sản							3.279,5	2.849	4.483,5	3.433	3.398	17.443
3.3.1	Mô hình nuôi ốc Hương theo hướng an toàn sinh học, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	ha	0,3	0,3				290	290				580
3.3.2	Thử nghiệm mô hình ương giống cá Chình bằng nguồn nước tự chảy ở các huyện miền núi.	m2	100	100				220	220				440
3.3.3	Xây dựng mô hình nuôi cá Chình thương phẩm tại các huyện miền núi	m2		70	70					220	220		440
3.3.4	Thử nghiệm mô hình nuôi cá Nâu thương phẩm theo hướng an toàn từ nguồn giống sinh sản nhân tạo.	ha	1	1	3	3,5	3,5	390	390	1.170	1.360	1.360	4.670
3.3.5	Mô hình nuôi cá Leo bằng lồng trên hệ thống hồ chứa và sông ngòi theo hướng an toàn	m2	160	160	160			285	285	285			855
3.3.6	Mô hình nuôi cá Diên bán thâm canh theo hướng an toàn và gắn với xây dựng thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm	ha			0,7	0,7	0,7			293	293	293	879

3.3.7	Xây dựng mô hình nuôi thủy đặc sản nước ngọt ở miền núi gắn với phát triển du lịch sinh thái	ha		0,2	0,2	0,2	0,2		280	280	280	280	1.120
3.3.8	Xây dựng mô hình thử nghiệm ao nuôi tôm thẻ thông minh, ứng dụng công nghệ IoT và trí tuệ nhân tạo trong giám sát và tương tác tự động	MH	1							850			850
3.3.9	Xây dựng mô hình áp dụng ao nuôi tôm thẻ thông minh, ứng dụng công nghệ IoT và trí tuệ nhân tạo trong giám sát và tương tác tự động	MH				1	1				340	340	680
3.3.10	Xây dựng mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng trên cát đảm bảo an toàn thực phẩm	ha	2					1,196					1.196
3.3.11	Xây dựng mô hình nuôi Cua gạch trong ao đầm gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	ha	3	3,5	3,5			898	1.014	1.015,5			2.928
3.3.12	Xây dựng mô hình nuôi Tôm Sú, cá sinh thái trong rừng ngập mặn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	ha		4	4	8	10		370	370	940	1.125	2.805
3.4	Cơ giới hóa nông nghiệp							2.010	2.010	-	-	-	4.020
3.4.1	Mô hình thu gom rơm bằng máy cuốn rơm	máy	3	3				1.260	1.260				2.520
3.4.2	Mô hình ứng dụng mạ khay máy cấy	H.thống	1	1				750	750				1.500

4	Các chương trình, dự án							50	50	50	50	50	250
4.1	Xây dựng Nông thôn mới (kinh phí hướng dẫn kiểm tra, giám sát)		1	1	1	1	1	50	50	50	50	50	250
	Tổng cộng							24.440,5	23.638	23.227,5	22.402	22.042	123.825



Phụ lục II
DỰ KIẾN NGUỒN KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
 (Kèm theo Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Nội dung	Kinh phí theo năm (Triệu đồng)					Kinh phí dự kiến theo nguồn (Triệu đồng)					Kinh phí người dân đóng góp	Tổng cộng
		2021	2022	2023	2024	2025	Kinh phí hỗ trợ						
							Trung ương	Lúa nước	Nông thôn mới	Ngân sách tỉnh			
1	Thông tin, tuyên truyền	460	445	460	445	470	1.160	-	-	1.120	-	2.280	
1.1	Hội nghị quảng bá các mô hình khuyến nông có hiệu quả	30	30	30	30	30				150		150	
1.2	Xây dựng Video clip hướng dẫn kỹ thuật	40	40	40	40	40	100			100		200	
1.3	Xây dựng chuyên mục truyền hình	20	20	20	20	20				100		100	
1.4	Hội thảo Khuyến nông đô thị	70	70	70	70	70				350		350	
1.5	Hội thảo đánh giá công tác khuyến nông cơ sở	30	30	30	30	30				150		150	
1.6	Hội thi trái ngon Thanh Trà Huế	-	135	-	135	-				270		270	
1.7	Diễn đàn Khuyến nông @ nông nghiệp	150	-	150	-	150	450					450	

1.8	Hội thảo chuyên đề khuyến nông	70	70	70	70	80	360					360
1.9	Tọa đàm khuyến nông	50	50	50	50	50	250					250
2	Tập huấn đào tạo	300	300	300	300	300	1.000	-	-	500		1.500
2.1	Tiếp nhận và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật	260	260	260	260	260	1.000			300		1.300
2.2	Học tập kinh nghiệm các mô hình Khuyến nông có hiệu quả ở ngoại tỉnh	40	40	40	40	40				200		200
3	Xây dựng mô hình trình diễn	25.065,5	24.443	24.132,5	23.217	22.937	8.844	30.500	3.750	10.130	66.571	119.795
3.1	Lĩnh vực trồng trọt	17.141	16.484	16.284	16.574	16.174	-	29.780	-	3.880	48.997	82.657
3.1.1	Mô hình áp dụng các giống lúa mới có triển vọng	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500		5.000			7.500	12.500
3.1.2	Mô hình ứng dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp xử lý rơm rạ sau thu hoạch để cải tạo đất và bảo vệ môi trường	2.400	2.400	2.400	2.400	2.400		5.000			7.000	12.000
3.1.3	Mô hình áp dụng 3 giảm 3 tăng (trong đó có IPM) trên cây lúa	2.400	-	-	-	-		1.000			1.400	2.400
3.1.4	Mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật thâm canh sản xuất lúa chất lượng	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000		10.000			15.000	25.000
3.1.5	Mô hình Xây dựng chuỗi liên kết trong sản xuất và tiêu thụ lúa	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500		3.000			4.500	7.500

3.1.6	Mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, tăng năng suất, hiệu quả sản xuất lúa tại các xã khó khăn	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500			5.000		7.500	12.500
3.1.7	Mô hình sản xuất phân hữu cơ từ phế phẩm nông nghiệp	64	64	64	64	64				200	120	320
3.1.8	Mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào trồng lúa an toàn, lúa hữu cơ	145	290	290	580	580			780		1.105	1.885
3.1.9	Mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất, chế biến lạc	300	300	300	300	300				500	1.000	1.500
3.1.10	Khảo nghiệm các giống sen	92	-	-	-	-				80	12	92
3.1.11	Mô hình trồng các giống sen có triển vọng	-	350	350	350	350				600	800	1.400
3.1.12	Mô hình trồng thử nghiệm một số loại cây ăn quả mới	240	480	480	480	480				900	1.260	2.160
3.1.13	Mô hình thâm canh cây Thanh Trà theo hướng bền vững và an toàn dịch bệnh	-	500	500	500	500				800	1.200	2.000
3.1.14	Xây dựng mô hình thử nghiệm Nhà lưới thông minh, ứng dụng công nghệ IoT và trí tuệ nhân tạo trong giám sát và tương tác tự động	-	600	-	-	-				400	200	600

3.1.15	Xây dựng mô hình áp dụng Nhà lưới thông minh, ứng dụng công nghệ IoT và trí tuệ nhân tạo trong giám sát và tương tác tự động	-	-	400	400	-				400	400	800
3.2	Lĩnh vực chăn nuôi	2.635	3.100	3.365	3.210	3.365	1.500	-	3.750	2.350	8.075	15.675
3.2.1	Hỗ trợ thụ tinh nhân tạo trâu bò	1.710	1.710	1.710	1.710	1.710			3.750		4.800	8.550
3.2.2	Mô hình thụ tinh nhân tạo cho bò cái lai bằng tinh bò cao sản	-	380	-	380	-				400	360	760
3.2.3	Mô hình chăm sóc bò mẹ sau sinh và nuôi bê lai cao sản	535	-	535	-	535				750	855	1.605
3.2.4	Mô hình nuôi lợn nái an toàn sinh học	390	390	-	-					400	380	780
3.2.5	Mô hình chế biến rơm cuộn làm thức ăn nuôi trâu bò	-	280	280	280	280				600	520	1.120
3.2.6	Mô hình nuôi gà an toàn sinh học gắn với xây dựng thương hiệu	-	340	840	840	840	1.500			200	1.160	2.860
3.3	Lĩnh vực thủy sản	3.279,5	2.849	4.483,5	3.433	3.398	6.444	-	-	3.900	7.099	17.443
3.3.1	Mô hình nuôi ốc Hương theo hướng an toàn sinh học, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	290	290	-	-	-				300	280	580
3.3.2	Thử nghiệm mô hình ương giống cá Chình bằng nguồn nước tự chảy ở các huyện miền núi.	220	220	-	-	-				300	140	440

3.3.3	Xây dựng mô hình nuôi cá Chình thương phẩm tại các huyện miền núi	-	-	220	220	-					300	140	440
3.3.4	Thử nghiệm mô hình nuôi cá Nâu thương phẩm theo hướng an toàn từ nguồn giống sinh sản nhân tạo	390	390	1.170	1.360	1.360	2.000				400	2.270	4.670
3.3.5	Mô hình nuôi cá Leo bằng lồng trên hệ thống hồ chứa và sông ngòi theo hướng an toàn	285	285	285	-	-					450	405	855
3.3.6	Mô hình nuôi cá Diên sản thâm canh theo hướng an toàn và gắn với xây dựng thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm	-	-	293	293	293					450	429	879
3.3.7	Xây dựng mô hình nuôi thủy đặc sản nước ngọt ở miền núi gắn với phát triển du lịch sinh thái	-	280	280	280	280					600	520	1.120
3.3.8	Xây dựng mô hình thử nghiệm ao nuôi tôm thẻ thông minh, ứng dụng công nghệ IoT và trí tuệ nhân tạo trong giám sát và tương tác tự động	-	-	850	-	-					500	350	850
3.3.9	Xây dựng mô hình áp dụng ao nuôi tôm thẻ thông minh, ứng dụng công nghệ IoT và trí tuệ nhân tạo trong giám sát và tương tác tự động	-	-	-	340	340					400	280	680

3.3.10	Xây dựng mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng trên cát đảm bảo an toàn thực phẩm	1.196	-	-	-	-	816				380	1.196
3.3.11	Xây dựng mô hình nuôi Cua gạch trong ao đầm gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	898,5	1.014	1.015,5	-	-	2.128				800	2.928
3.3.12	Xây dựng mô hình nuôi Tôm Sú, cá sinh thái trong rừng ngập mặn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	-	370	370	940	1.125	1.500			200	1.105	2.805
3.4	Cơ giới hóa nông nghiệp	2.010	2.010	-	-	-	900	720	-	-	2.400	4.020
3.4.1	Mô hình thu gom rơm bằng máy cuốn rơm	1.260	1.260	-	-	-		720			1.800	2.520
3.4.2	Mô hình ứng dụng mạ khay máy cấy	750	750	-	-	-	900				600	1.500
4	Các chương trình, dự án	50	50	50	50	50	-	-	250	-	-	250
4.1	Xây dựng Nông thôn mới (kinh phí hướng dẫn kiểm tra, giám sát)	50	50	50	50	50			250			250
	Tổng cộng	25.875,5	25.238	24.942,5	24.012	23.757	11.004	30.500	4.000	11.750	66.571	123.825



Phụ lục III
DỰ KIẾN NGUỒN KINH PHÍ HỖ TRỢ CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Nội dung	Kinh phí theo năm (Triệu đồng)						Kinh phí dự kiến theo nguồn (Triệu đồng)				
		2021	2022	2023	2024	2025	Cộng	Trung ương	Lúa nước	Nông thôn mới	Ngân sách tỉnh	Cộng
1	Thông tin, tuyên truyền	460	445	460	445	470	2.280	1.160	-	-	1.120	2.280
1.1	Hội nghị quảng bá các mô hình khuyến nông có hiệu quả	30	30	30	30	30	150				150	150
1.2	Xây dựng Video clip hướng dẫn kỹ thuật	40	40	40	40	40	200	100			100	200
1.3	Xây dựng chuyên mục truyền hình	20	20	20	20	20	100				100	100
1.4	Hội thảo Khuyến nông đô thị	70	70	70	70	70	350				350	350
1.5	Hội thảo đánh giá công tác khuyến nông cơ sở	30	30	30	30	30	150				150	150
1.6	Hội thi trái ngon Thanh Trà Huế	-	135	-	135	-	270				270	270
1.7	Diễn đàn Khuyến nông @ nông nghiệp	150	-	150	-	150	450	450				450
1.8	Hội thảo chuyên đề khuyến nông	70	70	70	70	80	360	360				360
1.9	Tọa đàm khuyến nông	50	50	50	50	50	250	250				250
2	Tập huấn đào tạo	300	300	300	300	300	1.500	1.000	-	-	500	1.500
2.1	Tiếp nhận và chuyên giao tiên bộ kỹ thuật	260	260	260	260	260	1.300	1.000			300	1.300

2.2	Học tập kinh nghiệm các mô hình Khuyến nông có hiệu quả ở ngoại tỉnh	40	40	40	40	40	200				200	200
3	Xây dựng mô hình trình diễn	11.114	11.004	10.895	10.130	10.080	53.224	8.844	30.500	3.750	10.130	53.224
3.1	Lĩnh vực trồng trọt	6.980	6.810	6.610	6.730	6.530	33.660	-	29.780	-	3.880	33.660
3.1.1	Mô hình áp dụng các giống lúa mới có triển vọng	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	5.000		5.000			5.000
3.1.2	Mô hình ứng dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp xử lý rơm rạ sau thu hoạch để cải tạo đất và bảo vệ môi trường	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	5.000		5.000			5.000
3.1.3	Mô hình áp dụng 3 giảm 3 tăng (trong đó có IPM) trên cây lúa	1.000	-	-	-	-	1.000		1.000			1.000
3.1.4	Mô hình áp dụng tiên bộ kỹ thuật thâm canh sản xuất lúa chất lượng	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	10.000		10.000			10.000
3.1.5	Mô hình Xây dựng chuỗi liên kết trong sản xuất và tiêu thụ lúa	600	600	600	600	600	3.000		3.000			3.000
3.1.6	Mô hình ứng dụng tiên bộ kỹ thuật, tăng năng suất, hiệu quả sản xuất lúa tại các xã khó khăn	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	5.000		5.000			5.000
3.1.7	Mô hình sản xuất phân hữu cơ từ phế phẩm nông nghiệp	40	40	40	40	40	200				200	200

3.1.8	Mô hình ứng dụng tiên bộ kỹ thuật vào trồng lúa an toàn, lúa hữu cơ	60	120	120	240	240	780		780			780
3.1.9	Mô hình áp dụng tiên bộ kỹ thuật trong sản xuất, chế biến lạc	100	100	100	100	100	500				500	500
3.1.10	Khảo nghiệm các giống sen	80	-	-	-	-	80				80	80
3.1.11	Mô hình trồng các giống sen có triển vọng	-	150	150	150	150	600				600	600
3.1.12	Mô hình trồng thử nghiệm một số loại cây ăn quả mới	100	200	200	200	200	900				900	900
3.1.13	Mô hình thâm canh cây Thanh Trà theo hướng bền vững và an toàn dịch bệnh	-	200	200	200	200	800				800	800
3.1.14	Xây dựng mô hình thử nghiệm Nhà lưới thông minh, ứng dụng công nghệ IoT và trí tuệ nhân tạo trong giám sát và tương tác tự động	-	400	-	-	-	400				400	400
3.1.15	Xây dựng mô hình áp dụng Nhà lưới thông minh, ứng dụng công nghệ IoT và trí tuệ nhân tạo trong giám sát và tương tác tự động	-	-	200	200	-	400				400	400
3.2	Lĩnh vực chăn nuôi	1.200	1.500	1.650	1.600	1.650	7.600	1.500	-	3.750	2.350	7.600
3.2.1	Hỗ trợ thụ tinh nhân tạo trâu bò	750	750	750	750	750	3.750			3.750		3.750
3.2.2	Mô hình thụ tinh nhân tạo cho bò cái lai bằng tinh bò cao sản	-	200	-	200	-	400				400	400

3.2.3	Mô hình chăm sóc bò mẹ sau sinh và nuôi bê lai cao sản	250	-	250	-	250	750				750	750
3.2.4	Mô hình nuôi lợn nái an toàn sinh học	200	200	-	-		400				400	400
3.2.5	Mô hình chế biến rơm cuộn làm thức ăn nuôi trâu bò	-	150	150	150	150	600				600	600
3.2.6	Mô hình nuôi gà an toàn sinh học gắn với xây dựng thương hiệu	-	200	500	500	500	1.700	1.500			200	1.700
3.3	Lĩnh vực thủy sản	2.124	1.884	2.635	1.800	1.900	10.344	6.444	-	-	3.900	10.344
3.3.1	Mô hình nuôi ốc Hương theo hướng an toàn sinh học, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	150	150	-	-	-	300				300	300
3.3.2	Thử nghiệm mô hình ương giống cá Chình bằng nguồn nước tự chảy ở các huyện miền núi.	150	150	-	-	-	300				300	300
3.3.3	Xây dựng mô hình nuôi cá Chình thương phẩm tại các huyện miền núi	-	150	150	-	-	300				300	300
3.3.4	Thử nghiệm mô hình nuôi cá Nâu thương phẩm theo hướng an toàn từ nguồn giống sinh sản nhân tạo.	200	200	600	700	700	2.400	2.000			400	2.400
3.3.5	Mô hình nuôi cá Leo bằng lồng trên hệ thống hồ chứa và sông ngòi theo hướng an toàn	150	150	150	-	-	450				450	450



3.3.6	Mô hình nuôi cá Di sản thâm canh theo hướng an toàn và gắn với xây dựng thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm	-	-	150	150	150	450				450	450
3.3.7	Xây dựng mô hình nuôi thủy đặc sản nước ngọt ở miền núi gắn với phát triển du lịch sinh thái	-	150	150	150	150	600				600	600
3.3.8	Xây dựng mô hình thử nghiệm ao nuôi tôm thẻ thông minh, ứng dụng công nghệ IoT và trí tuệ nhân tạo trong giám sát và tương tác tự động	-	-	500	-	-	500				500	500
3.3.9	Xây dựng mô hình áp dụng ao nuôi tôm thẻ thông minh, ứng dụng công nghệ IoT và trí tuệ nhân tạo trong giám sát và tương tác tự động	-	-	-	200	200	400				400	400
3.3.10	Xây dựng mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng trên cát đảm bảo an toàn thực phẩm	816	-	-	-	-	816	816				816
3.3.11	Xây dựng mô hình nuôi Cua gạch trong ao đầm gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	658,5	734	735,5	-	-	2.128	2.128				2.128
3.3.12	Xây dựng mô hình nuôi Tôm Sú, cá sinh thái trong rừng ngập mặn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	-	200	200	600	700	1.700	1.500			200	1.700
3.4	Cơ giới hóa nông nghiệp	810	810	-	-	-	1.620	900	720	-	-	1.620

3.4.1	Mô hình thu gom rơm bằng máy cuốn rơm	360	360	-	-	-	720		720			720
3.4.2	Mô hình ứng dụng mạ khay máy cấy	450	450	-	-	-	900	900				900
4	Các chương trình, dự án	50	50	50	50	50	250	-	-	250	-	250
4.1	Xây dựng Nông thôn mới (kinh phí hướng dẫn kiểm tra, giám sát)	50	50	50	50	50	250			250		250
	Tổng cộng	11.924,5	11.799	11.705,5	10.925	10.900	57.254	11.004	30.500	4.000	11.750	57.254